

Bản án số: 205/2023/HS-ST
Ngày 28-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Phúc

Bà Lê Thị Kim Ngân

- Thư ký phiên tòa:

+ Tại điểm cầu trung tâm: Bà Bé Thị Phụng- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tại điểm cầu thành phần: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa:

+ Tại điểm cầu trung tâm: Ông Nguyễn Ngọc Thanh- Kiểm sát viên.

+ Tại điểm cầu thành phần: Ông Lê Hoàng Nam- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 200/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023 theo hình thức trực tuyến, tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm đặt tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, điểm cầu thành phần đặt tại Nhà tạm giữ Công an Quận 1 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1571/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 30/12/1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở: Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Từ Hảo M và bà Trần Thị Y; Chưa có vợ con;

Tiền án: Ngày 27/6/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Bản án số: 187/2017/HSST). Đến ngày 23/4/2021, chấp hành xong hình phạt tù, chưa xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 02/6/2023 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Ông Hà Thanh B, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Ông Trần Minh T1, sinh năm 2000. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy, vào khoảng 10 giờ ngày 02/6/2023, Trần Văn T đến hẻm 40 đường Hoài Thanh, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh gặp người phụ nữ tên “T2” (chưa rõ lai lịch) mua 01 gói nylon chứa Ketamine với giá 500.000 đồng, sau đó T đem về nhà tại số 1678/65 đường Phạm Thế Hiển, Phường 6, Quận 8 sử dụng hết một phần, phần còn lại bỏ vào túi quần phía sau, bên trái đang mặc. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Trần Minh T1 điều khiển xe mô tô biển số: 59L3-037.39 qua nhà Tâm tại Quận 8 rủ đi đến quận Bình Thạnh mua chó về nuôi, khi Trí điều khiển xe mô tô chở Tâm đến giao lộ đường Nguyễn Thị Minh Khai- Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1 thì bị anh Nguyễn Hoàng A, anh Hà Thanh B (là cán bộ Công an phường Bến Nghé, Quận 1) phát hiện có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe và đưa về Công an phường Bến Nghé, Quận 1 kiểm tra. Tại trụ sở Công an Phường, dưới sự chứng kiến của anh Ngô Xuân T3 (là Bảo vệ dân phố phường) T tự lấy trong túi quần phía sau, bên trái đang mặc ra 01 gói nylon chứa bột màu trắng (T khai là ma túy loại Ketamine để sử dụng cho bản thân) ra giao nộp nên tổ công tác thu giữ và bàn giao T và T1 cùng vật chứng cho Công an phường Bến Nghé lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Văn T, chuyển Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 1 thụ lý.

Ngày 08/6/2023, Phòng Kỹ thuật Hình sự- Công an Thành phố Hồ Chí Minh có kết luận giám định số: 1259/KL-KTHS như sau: Bột màu trắng trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Trần Minh T1, Trần Văn T và hình dấu Công an phường Bến Nghé, Quận 1 bên trong là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1146g, loại Ketamine.

Quá trình điều tra, Trần Văn T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của T phù hợp với lời khai nhân chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

Đối với Trần Minh T1, T1 khai không hùn tiền cũng không biết việc T mua và cất giữ ma túy. Lời khai của T1 phù hợp với lời khai của T nên Cơ quan điều tra không xử lý, đồng thời giao Công an phường Bến Nghé, Quận 1 ra Quyết định xử phạt hành chính.

Đối với người phụ nữ tên “T2” bán ma túy cho T, qua điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

* Vật chứng vụ án gồm có: 01 gói niêm phong bên trong có 0,1146 gam ma túy ở thể rắn, loại Ketamine. Thu giữ của Trần Văn T: 01 điện thoại di động ghi hiệu Iphone 7 plus, có số imei: 355346080108036 (đã qua sử dụng, là tài sản cá nhân của Tâm). Vật chứng hiện được nhập kho của Công an Quận 1.

Tại bản cáo trạng số: 205/CT-VKS-Q1 ngày 13 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Trần Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, cần xử lý nghiêm, có tiền án chưa xóa án tích. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị phạt bị cáo 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, số imei: 355346080108036 (đã qua sử dụng, là tài sản cá nhân của bị cáo) không phải phương tiện dùng vào việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo. Đối với số ma túy còn lại sau giám định là chất cấm tàng trữ đề nghị tịch thu và tiêu hủy.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng, không bào chữa, không tranh luận. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản đối chất; Bản kết luận giám định số: 1259/KL-KTHS ngày 08/6/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự- Công an Thành phố Hồ Chí Minh, đã đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 13 giờ ngày 02/6/2023, tại giao lộ Nguyễn Thị Minh Khai- Nguyễn Bình Khiêm, phường Bến Nghé, Quận 1, Trần Văn T có hành vi cất giữ 0,1146 gam Ketamine để sử dụng cho bản thân, tuy trọng lượng ma túy chưa đủ nhưng qua xác minh bị cáo có 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” chưa được xóa nên hành vi của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố bị cáo như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, để thỏa mãn cơn nghiện, bị cáo đã cất giữ trái phép chất ma túy để sử dụng. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với lượng ma túy thu giữ khi bị bắt quả tang. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương và tiếp tay cho những phần tử xấu duy trì tệ nạn ma túy. Do vậy, cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, nhằm cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo. Xét, bị cáo là đối tượng nghiện, đã bị kết án về tội mua bán trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích mà còn vi phạm do đó cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc mới đảm bảo được công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và có tác dụng răn đe đối với bị cáo. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội. Đồng thời, áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ đối tượng bán ma túy cho bị cáo (tên “T2”, không rõ lai lịch), khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[5] Về xử lý vật chứng:

01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, số imei: 355346080108036 (đã qua sử dụng, là tài sản cá nhân của bị cáo) không phải phương tiện dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Đối với số ma túy còn lại sau giám định là chất cấm tàng trữ nên tịch thu và tiêu hủy.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Viện Kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt Trần Văn T 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2023.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 28/12/2023).

- Áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Phạt tiền bị cáo Trần Văn T 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, số imei: 355346080108036- đã qua sử dụng (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 270/2023/PNK-THAHS ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Công an Quận 1).

Tịch thu và tiêu hủy toàn bộ 01 gói ma túy đã niêm phong bên ngoài ghi vụ số: 1259-5951/23-Q1-Kết luận số: 1259 (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 270/2023/PNK-THAHS ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Công an Quận 1).

- Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện Kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Công an TP.HCM (PC 53 - Đ3);
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Công an Quận 1;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1;
- Thi hành án Hình sự Quận 1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Đức Tĩnh